

Bản án số: 135 /2022/HS-ST  
Ngày 11/ 8/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

***- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Lương Thị P

2- Bà Nguyễn Thị Thụy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2022/TLHS-ST ngày 26/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị P;** Năm sinh: 1990

HKTT: Thanh H, Thanh K, T, B.

Nơi cư trú: Xóm Giữa, xã A, T, B.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp : Tự do

Văn hoá: 12/12

Bố: Nguyễn Duy T, sinh năm 1962; Mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1971

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất.

Chồng: Nguyễn Hữu N , sinh năm 1991

Có 02 con riêng.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Hữu N ;** Năm sinh: 1991

HKTT: Xóm Công, Mão Điền, T, B

Nơi cư trú: Xóm Giữa, xã A, T, B

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp : Tự do

Văn hoá: 9/12

Bố: Nguyễn Hữu Dương, sinh năm 1969; Mẹ: Nguyễn Thị Tiệp, sinh năm 1971

Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con lớn.

Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1990

Có 03 con riêng, lớn 10 tuổi, nhỏ 4 tuổi

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**-Người bị hại: Anh Trần Văn C**, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

HKTT: Xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn Phú Khê, xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

**Người bào chữa:** Luật sư Nguyễn Công Quyền và Luật sư Nguyễn Văn Tú, Công ty Luật TNHH IMC. Địa chỉ: Phòng 1809, Tòa 27A2 Green Stars, 234 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.(có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 02 phút ngày 04/10/2021, khi đang làm việc tại Đại sứ quán Nhật Bản số 27 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội anh Trần Văn C (SN 1994, nơi cư trú: thôn Phú Khê, xã Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội) đã sử dụng Internet banking trên điện thoại di động chuyển khoản nhằm số tiền 94.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số tài khoản 45010003613540 mang tên anh là Trần Văn C vào tài khoản Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tài khoản 35110000406785 của Nguyễn Thị P. Sau khi chuyển nhằm tiền, khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày anh C đến ngay Ngân hàng BIDV tại số 26 Liễu Giai, phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội trình bày lại sự việc bị chuyển nhằm tiền và đề nghị Ngân hàng giúp đỡ, chị Trần Ngọc Anh (nhân viên giao dịch) của ngân hàng đã gọi vào số điện thoại 0974523889 cho chủ tài khoản ngân hàng thụ hưởng số tiền chuyển nhằm của anh C để thông báo, người nghe máy thừa nhận đúng tên là Nguyễn Thị P đăng ký tài khoản ngân hàng nêu trên nhưng cho biết hiện không sử dụng tài khoản ngân hàng này và không nhận được số tiền do anh C chuyển nhằm. Khoảng 11 giờ cùng ngày anh C đến Công an phường Ngọc Khánh trình báo sự việc, Công an phường Ngọc Khánh đã hướng dẫn anh C quay lại Ngân hàng BIDV tại số 26 Liễu Giai, phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội. Tại ngân hàng, chị Trần Ngọc Anh (nhân viên giao dịch) của ngân hàng gọi điện thoại lại cho P vào số điện thoại 0974523889, P vẫn khẳng định không nhận được số tiền 94.000.000 đồng, và nói trong tài khoản chỉ còn mấy chục nghìn, số tài khoản này đã cho người khác dùng.

Sau khi nhân viên ngân hàng gọi điện thông báo, P đã nói cho chồng là Nguyễn Hữu N biết anh C chuyển nhằm 94.000.000 đồng vào tài khoản, P bảo N đi Bắc Ninh thì rút hết tiền trong tài khoản về. Khoảng 13 giờ cùng ngày, N đem theo thẻ ATM và chở cháu là Nguyễn Khánh Duy (SN 25/4/2005, trú tại: thôn Đại Trạch, xã Đình Tổ, T, B) bằng xe máy đến thành phố Bắc Ninh mua hàng, khi đi đến thị trấn Đông Côi, N vào cây ATM rút 01 lần được 3.000.000 đồng (rút tiền vào lúc 13 giờ 15 phút). N chở cháu Duy đi tiếp đến đoạn ngã 6 Thành phố Bắc Ninh N vào cây ATM rút 12 lần được 36.000.000 đồng (thực hiện rút tiền trong khoảng từ 13 giờ 43 phút đến 13 giờ 52 phút). Sau đó N chở cháu Duy đến cửa

hàng linh kiện điện thoại “Mạnh Mobile” số 248 Ngô Gia Tự, phường Tiên An, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) chọn mua hàng, chị Nguyễn Thị Mai Linh (nhân viên bán hàng) lấy hàng cho N xong, N chưa trả tiền ngay mà bảo cháu Duy chờ, N đi rút tiền tại cây ATM đối diện bên đường, trong khoảng thời gian từ 14 giờ 16 phút đến 14 giờ 22 phút N rút 6 lần được 30.000.000 đồng. Quay lại cửa hàng, N trả cho chị Linh khoảng 1.000.000 tiền hàng rồi chở cháu Duy về.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh C một mình đi xe máy đến cửa hàng của vợ chồng P tại xã A, huyện T, B, khi đến chỉ gặp nhân viên cửa hàng nên anh C ra cửa, thấy số điện thoại 0981955191 trên biển quảng cáo, gọi thì Nguyễn Hữu N nghe máy (lúc này khoảng gần 15 giờ), N bảo anh C đợi. Trong lúc đợi N thì P từ trong nhà đi ra. Anh C đưa cho P xem ảnh chụp căn cước công dân và ảnh chụp sao kê giao dịch chuyển tiền trên điện thoại cho P xem và trình bày về việc chuyển nhầm 94.000.000 đồng nhưng P không thừa nhận về việc nhận được số tiền đó, P trả lời tài khoản ngân hàng này P không sử dụng nữa mà đã cho người khác sử dụng. Giữa anh C và P xảy ra to tiếng cãi nhau, thấy P gọi điện thoại anh C sợ gọi người đến đánh nên đã bỏ lại xe máy chạy đến Công an xã A trình báo.

N về đến cửa hàng thì không gặp anh C, N nói cho P biết rút được tiền nhưng không rút được hết, và để tiền tại đầu giường trong phòng ngủ. Sau đó N chở P đến Công an xã A, tại Công an xã A còn có ông Nguyễn Duy Trách - SN 1962, trú tại thôn Thanh H, xã Thanh K, huyện T, B (là bố của P), anh C cho P, N và ông Trách xem căn cước công dân và ảnh chụp trên điện thoại sao kê lịch sử giao dịch có nội dung anh C chuyển nhầm 94.000.000 đồng đến tài khoản của P. Anh C trình bày với đồng chí Nguyễn Tá Đại - cán bộ công an xã A: “Em chuyển nhầm tiền vào tài khoản của chị P, nhưng chị P bảo không có”. P trả lời: “Không có tiền chuyển nhầm”. P, N đều không thông báo cho Công an xã A biết về việc nhận được 94.000.000 đồng do người khác chuyển nhầm. Công an xã A đã hướng dẫn các bên đến ngân hàng BIDV - Chi nhánh T, B để kiểm tra xác thực việc chuyển tiền.

Khoảng 16 giờ cùng ngày anh C cùng P và ông Trách đến ngân hàng BIDV - Chi nhánh T, B, N không đi cùng. Vào hồi 16 giờ 16 phút, trong khi anh C, và P cùng ông Trách đang ở ngân hàng thì N rút tiếp 1.000.000 đồng.

Tại ngân hàng, anh C và P cùng xuất trình chứng minh thư nhân dân, chị Nguyễn Thị Lý- SN 1980 là nhân viên của phòng giao dịch đã kiểm tra tài khoản của hai bên, tại chỗ chị Lý thông báo tài khoản của P nhận được 94.000.000 đồng trong ngày 04/10/2021, P liền nói tài khoản ngân hàng này P không dùng nữa, đã cho người khác dùng rồi nên không biết có số tiền đó.

Do không lấy lại được tiền nên anh C đã về Hà Nội và lại đến Công an phường Ngọc Khánh cung cấp thêm thông tin.

Khoảng 09h ngày 05/10/2021, đồng chí Đàm Trung Kiên- cán bộ Công an phường Ngọc Khánh đã gọi điện thoại cho P và N thông báo về việc tiếp nhận đơn trình báo của anh C về việc anh C chuyển nhầm 94.000.000 đồng vào tài khoản của P và yêu cầu hoàn trả số tiền cho anh C nhưng P và N đều trả lời không biết gì về số tiền này, P nói tài khoản trên đã cho một người bạn sử dụng, hiện không biết người đó ở đâu, P sẽ hỗ trợ tìm lại người bạn đó để lấy lại tiền cho anh C.

Cùng ngày 05/10/2021, từ 12 giờ 14 phút đến 13 giờ 03 phút, N tiếp tục rút 10 lần được 21.000.000 đồng trong tài khoản của P về đưa P cất.

Ngày 05/10/2021 anh C gọi điện thoại lại cho N xin lại tiền nhưng N nói không biết và bảo anh C liên hệ với P để giải quyết. Kể từ đó N và P không liên lạc gì với anh C để trả lại tiền, đến ngày 14/10/2021 thì anh C mới được mời đến Công an huyện T, B để nhận lại tiền do P trả lại.

Ngày 04/10/2021 cháu Nguyễn Khánh Duy đi Bắc Ninh cùng N, trên đường đi Duy biết N rút tiền tại 03 cây ATM, không biết số tiền rút được. Quá trình điều tra xác định cháu Duy không liên quan đến hành vi phạm tội của N và P nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV số thẻ 9704180107271058 mang tên Nguyễn Thị P (thẻ N sử dụng để rút tiền do anh C chuyển nhầm).

- 01 điện thoại di động Oppo A16, màu bạc, số Imeil 1: 860817050344759, số Imeil 2: 860817050344742, găng sim số 0922908866 và 0974523889 (đã qua sử dụng).

Tại cơ quan điều tra, P và N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên. Lời khai nhận của P và N phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 107/CT-VKSBD ngày 18/07/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố bị cáo Nguyễn Thị P và bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo điểm khoản 1 điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo P và bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo P và bị cáo N thành khẩn khai nhận hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng số 107/CT-VKSBD ngày 18/07/2022.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Gia đình bị cáo P và bị cáo N là gia đình có công với Cách mạng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm b; i; s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65; điều 38; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng.

Bị cáo Nguyễn Hữu N từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng.

Về vật chứng vụ án: Trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động Oppo A16, màu bạc, số Imeil 1: 860817050344759, số Imeil 2: 860817050344742, gắn sim số 0922908866 và 0974523889 (đã qua sử dụng).

*Luật sư bào chữa cho bị cáo P và bị cáo N trình bày bản luận cứ:*

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của hai bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là có cơ sở, đúng người đúng tội.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình hai bị cáo là gia đình có công với Cách mạng do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội phấn đấu sửa chữa khắc phục sai lầm của mình.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các Luật sư bào chữa, các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất vì các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo P và bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 09 giờ 02 phút ngày 04/10/2021, tại Đại sứ quán Nhật Bản, phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội, qua ứng dụng Internet Banking trên điện thoại di động anh Trần Văn C đã chuyển nhầm 94.000.000 đồng vào tài khoản số 35110000466785 của Nguyễn Thị P mở tại Ngân hàng BIDV. Sau khi anh C chuyển nhầm tiền, bị cáo P và bị cáo N đã nhiều lần nhận được thông báo về việc anh C chuyển nhầm tiền nhưng N và P cố tình không trả lại tiền cho anh C. Ngày 04/10/2021 anh C trình báo sự việc với Công an phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội. Từ chiều ngày 04/10/2021 đến chiều ngày 05/10/2021 N đã rút tổng 91.000.000 đồng trong tài khoản số 35110000466785, ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị P đưa cho P giữ. Ngày 14/10/2021, bị cáo P mới trả lại anh Trần Văn C số tiền 94.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo P và bị cáo N đã cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình truy tố hai bị cáo về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khi được người khác chuyển nhầm tiền vào tài khoản của mình, các bị cáo được biết được số tiền đó không phải của mình nhưng vì lòng tham nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa P, vì vậy cần áp dụng cho các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền 94.000.000 đồng cho người bị hại; tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Gia đình bị cáo P là gia đình có công với Cách mạng, ông ngoại của bị cáo P được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Gia đình bị cáo N là gia đình có công với Cách mạng, có em ruột của ông nội bị cáo là Liệt sỹ; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, do đó khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo cũng như cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có địa chỉ nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Trong thời gian được tại ngoại các bị cáo không có vi phạm gì, do đó không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa P nơi các bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ để các bị cáo có thời gian tu dưỡng rèn luyện bản thân, cải tạo ổn định cuộc sống cũng như để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận đủ số tiền 94.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm,

[6] Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Oppo A16, màu bạc, số Imeil 1: 860817050344759, số Imeil 2: 860817050344742, gắn sim số 0922908866 và 0974523889 (đã qua sử dụng), không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo N . Vật chứng hiện đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình theo Biên bản bàn giao vật chứng số 161/BB –CQĐT-CSHS ngày 26/7/2022 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Ba Đình.

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV số thẻ 9704180107271058 mang tên Nguyễn Thị P (thẻ N sử dụng để rút tiền do anh C chuyển nhầm) đã được lưu theo hồ sơ điều tra.

[7]. Bị cáo P và bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Điều 106; Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội: “ Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội: “ Chiếm giữ trái phép tài sản”.

1, Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2022).

Bị cáo Nguyễn Hữu N 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị P và bị cáo Nguyễn Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2, Xử lý vật chứng:

Trả lại 01 điện thoại di động Oppo A16, màu bạc, số Imeil 1: 860817050344759, số Imeil 2: 860817050344742, gắn sim số 0922908866 và 0974523889 (đã qua sử dụng) cho bị cáo Nguyễn Hữu N .

Vật chứng hiện đã được bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình theo Biên bản bàn giao vật chứng số 161/BB –CQĐT-CSHS ngày 26/7/2022 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Ba Đình.

3, Án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND xã Thanh H, Thanh K, T, B.
- UBND xã Mão Điền, T, B.
- UBND xã A, T, B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**